



PHỤ LỤC 1
BẢNG PHÂN BỐ CHỈ TIÊU THEO MÔN THI KHU VỰC ĐÔNG HẢI PHÒNG
(Dự kiến)

TT	Phường	Số HS lớp 9	Chỉ tiêu CB	Toán	Ngữ văn	KHTN 1	KHTN 2	KHTN 3	Công nghệ	Tin học	LS&ĐL 1	LS&ĐL 2	GDCD	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Nhật	Tổng
1	Đặc khu Cát Hải	454	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
2	Phường An Biên	1471	4	6	7	5	5	5	4	1	5	5	4	6	1	1	55
3	Phường An Dương	1507	5	10	10	6	6	6	5	1	6	6	5	11	1	1	74
4	Phường An Hải	637	2	3	3	3	3	3	2	1	3	3	2	5	1	1	33
5	Phường An Phong	674	2	3	3	3	3	3	2	1	3	3	2	3	1	1	31
6	Phường Bạch Đằng	806	2	3	3	3	3	3	2	1	3	3	6	3	1	1	35
7	Phường Đồ Sơn	400	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
8	Phường Đông Hải	914	3	5	5	4	4	4	3	1	4	4	3	8	1	1	47
9	Phường Dương Kinh	521	2	4	3	3	3	3	2	1	3	3	2	3	1	1	32
10	Phường Gia Viên	1404	4	10	9	5	5	5	4	5	5	5	8	11	1	15	76
11	Phường Hải An	2062	6	12	14	7	7	7	6	2	7	7	6	13	1	1	90
12	Phường Hòa Bình	833	2	4	5	3	3	3	2	1	3	3	3	6	1	1	38
13	Phường Hồng An	1123	3	5	5	4	4	4	3	1	4	4	6	5	1	1	47
14	Phường Hồng Bàng	1657	5	10	11	6	6	6	5	3	6	6	8	11	15	3	101
15	Phường Hưng Đạo	655	2	3	6	3	3	3	2	1	3	3	2	5	1	1	36
16	Phường Kiến An	899	3	6	5	4	4	4	3	1	4	4	3	7	1	1	47
17	Phường Lê Chân	2908	9	17	14	10	10	10	9	5	10	10	16	23	1	3	138
18	Phường Lê Ích Mộc	853	3	6	5	4	4	4	3	1	4	4	3	5	1	1	45
19	Phường Lưu Kiếm	781	2	3	8	3	3	3	2	2	3	3	2	6	1	1	40
20	Phường Nam Đồ Sơn	427	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	3	2	1	1	23

TT	Phường	Số HS lớp 9	Chỉ tiêu CB	Toán	Ngữ văn	KHTN 1	KHTN 2	KHTN 3	Công nghệ	Tin học	LS&ĐL 1	LS&ĐL 2	GDCD	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Nhật	Tổng
21	Phường Nam Triệu	592	2	6	5	3	3	3	2	1	3	3	2	5	1	1	38
22	Phường Ngô Quyền	1144	3	10	10	4	4	4	3	3	4	4	8	7	1	1	63
23	Phường Phù Liễn	1117	3	9	10	4	4	4	3	1	4	4	4	9	1	1	58
24	Phường Thiên Hương	700	2	4	4	3	3	3	2	1	3	3	2	3	1	1	33
25	Phường Thủy Nguyên	1078	3	8	8	4	4	4	3	1	4	4	6	8	1	1	56
26	Xã An Hưng	451	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
27	Xã An Khánh	674	2	5	5	3	3	3	2	1	3	3	2	4	1	1	36
28	Xã An Lão	778	2	6	6	3	3	3	2	1	3	3	2	4	1	1	38
29	Xã An Quang	471	1	3	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	22
30	Xã An Trường	436	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	4	2	1	1	24
31	Xã Chấn Hưng	367	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
32	Xã Hùng Thắng	321	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
33	Xã Kiến Hải	637	2	3	3	3	3	3	2	1	3	3	2	3	1	1	31
34	Xã Kiến Hưng	413	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
35	Xã Kiến Minh	398	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	1	1	22
36	Xã Kiến Thụy	729	2	3	3	3	3	3	2	1	3	3	3	3	1	1	32
37	Xã Nghi Dương	404	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	4	2	1	1	24
38	Xã Nguyễn Bình Khiêm	497	1	2	5	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	24
39	Xã Quyết Thắng	289	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
40	Xã Tân Minh	463	1	3	3	2	2	2	1	1	2	2	2	2	1	1	24
41	Xã Tiên Lãng	582	2	6	3	3	3	3	2	1	3	3	5	3	1	1	37
42	Xã Tiên Minh	420	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21

TT	Phường	Số HS lớp 9	Chỉ tiêu CB	Toán	Ngữ văn	KHTN 1	KHTN 2	KHTN 3	Công nghệ	Tin học	LS&ĐL 1	LS&ĐL 2	GDCD	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Nhật	Tổng
43	Xã Việt Khê	545	2	3	3	3	3	3	2	1	3	3	2	3	1	1	31
44	Xã Vĩnh Am	221	1	2	3	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	22
45	Xã Vĩnh Bảo	728	2	6	6	3	3	3	2	1	3	3	6	3	1	1	41
46	Xã Vĩnh Hải	402	1	3	4	2	2	2	1	1	2	2	2	2	1	1	25
47	Xã Vĩnh Hòa	299	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
48	Xã Vĩnh Thịnh	406	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	1	1	22
49	Xã Vĩnh Thuận	478	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	4	2	1	1	24
50	Đặc khu Bạch Long Vĩ																
Cộng toàn khu vực		37026	106	222	229	155	155	155	106	63	155	155	160	226	62	77	1910





PHỤ LỤC 2
BẢNG PHÂN BỐ CHỈ TIÊU THEO MÔN THI KHU VỰC TÂY HẢI PHÒNG
(Dự kiến)

TT	Phường	Số HS lớp 9	Chỉ tiêu CB	Toán	Ngữ văn	KHTN1	KHTN2	KHTN3	Công nghệ	Tin học	LS&ĐL1	LS&ĐL2	GD&CD	Tiếng Anh	Tổng
1	Phường Ái Quốc	286	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
2	Phường Bắc An Phụ	330	1	3	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	16
3	Phường Chí Linh	406	1	5	3	1	1	3	1	1	1	3	2	2	23
4	Phường Chu Văn An	734	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	3	5	27
5	Phường Hải Dương	787	2	3	3	2	2	2	2	1	3	2	3	3	26
6	Phường Kinh Môn	451	1	5	5	4	3	4	1	1	3	1	2	5	34
7	Phường Lê Đại Hành	349	1	2	2	1	2	1	1	3	1	2	2	2	19
8	Phường Lê Thanh Nghị	1879	6	11	9	10	9	6	6	2	8	8	7	15	91
9	Phường Nam Đồng	376	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
10	Phường Nguyễn Đại Nãi	479	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
11	Phường Nguyễn Trãi	240	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
12	Phường Nhị Chiểu	736	2	3	4	3	2	2	2	3	2	2	3	4	30
13	Phường Phạm Sư Mạnh	403	1	3	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	16
14	Phường Tân Hưng	537	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	3	3	25
15	Phường Thạch Khôi	553	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	3	3	25
16	Phường Thành Đông	598	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	3	3	25
17	Phường Trần Hưng Đạo	726	2	6	6	3	6	4	2	3	6	3	3	6	48
18	Phường Trần Liễu	379	1	2	2	3	1	1	1	1	2	2	2	2	19
19	Phường Trần Nhân Tông	330	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
20	Phường Tứ Minh	550	2	5	4	5	5	5	2	1	5	4	3	5	44
21	Phường Việt Hòa	511	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	3	3	25

TT	Phường	Số HS lớp 9	Chỉ tiêu CB	Toán	Ngữ văn	KHTN1	KHTN2	KHTN3	Công nghệ	Tin học	LS&ĐL1	LS&ĐL2	GDCD	Tiếng Anh	Tổng
22	Xã An Phú	563	2	3	4	2	2	2	2	1	2	2	3	3	26
23	Xã An Thành	450	1	4	2	1	4	1	1	1	2	1	2	3	22
24	Xã Bắc Thanh Miện	323	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
25	Xã Bình Giang	469	1	2	2	1	2	1	1	1	1	1	2	2	16
26	Xã Cẩm Giang	507	2	4	3	2	2	3	2	1	2	2	3	3	27
27	Xã Cẩm Giàng	481	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
28	Xã Chí Minh	429	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
29	Xã Đại Sơn	401	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
30	Xã Đường An	616	2	6	6	5	5	5	2	3	5	5	3	6	51
31	Xã Gia Lộc	794	2	7	6	7	6	5	2	2	3	5	3	5	51
32	Xã Gia Phúc	567	2	3	4	2	3	2	2	1	2	2	3	3	27
33	Xã Hà Bắc	547	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	3	3	25
34	Xã Hà Đông	440	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
35	Xã Hà Nam	354	1	2	3	3	1	2	1	1	1	1	2	3	20
36	Xã Hà Tây	472	1	2	2	1	1	2	1	1	1	1	2	2	16
37	Xã Hải Hưng	391	1	2	3	1	3	2	1	1	3	2	2	2	22
38	Xã Hồng Châu	474	1	3	3	1	1	2	1	2	1	2	2	3	21
39	Xã Hợp Tiến	245	1	2	2	1	2	1	1	1	1	1	2	2	16
40	Xã Kẻ Sặt	632	2	3	3	4	2	2	2	2	2	2	3	3	28
41	Xã Khúc Thừa Dụ	480	1	2	2	1	3	2	1	1	1	1	2	2	18
42	Xã Kim Thành	593	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	3	3	25
43	Xã Lạc Phượng	432	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
44	Xã Lai Khê	669	2	6	3	2	2	3	2	2	2	3	3	3	31
45	Xã Mao Điền	731	2	5	3	2	2	2	2	1	2	2	3	3	27

TT	Phường	Số HS lớp 9	Chỉ tiêu CB	Toán	Ngữ văn	KHTN1	KHTN2	KHTN3	Công nghệ	Tin học	LS&ĐL1	LS&ĐL2	GDCD	Tiếng Anh	Tổng
46	Xã Nam An Phú	377	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
47	Xã Nam Sách	739	2	3	6	4	5	5	2	3	3	5	3	5	44
48	Xã Nam Thanh Miện	392	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
49	Xã Nguyên Giáp	379	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
50	Xã Nguyễn Lương Bằng	467	1	2	5	1	1	2	1	1	1	1	2	2	19
51	Xã Ninh Giang	581	2	7	5	6	3	4	2	3	7	4	3	7	51
52	Xã Phú Thái	833	2	6	8	6	5	7	2	5	4	5	3	6	57
53	Xã Tân An	426	1	2	2	4	1	3	1	1	2	2	2	2	22
54	Xã Tân Kỳ	538	2	3	3	3	3	2	2	1	2	2	3	3	27
55	Xã Thái Tân	290	1	2	2	1	3	1	1	1	1	1	2	2	17
56	Xã Thanh Hà	591	2	6	7	5	5	5	2	2	8	5	3	4	52
57	Xã Thanh Miện	771	2	8	4	7	5	7	2	1	7	9	3	9	62
58	Xã Thượng Hồng	403	1	2	2	1	1	1	1	1	2	1	2	2	16
59	Xã Trần Phú	439	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
60	Xã Trường Tân	398	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
61	Xã Tứ Kỳ	711	2	6	6	4	4	5	2	3	5	5	3	6	49
62	Xã Tuệ Tĩnh	433	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	3	16
63	Xã Vĩnh Lại	556	2	4	6	2	3	2	2	1	2	2	3	5	32
64	Xã Yết Kiêu	603	2	3	3	2	2	3	2	1	2	3	3	3	27
Cộng toàn khu vực		33627	97	213	207	147	146	145	97	88	141	138	161	210	1693